

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST

Ngày 13 - 3 - 2019

“Về việc xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các vị Hội thẩm nhân dân: Bà Lữ Phúc Lệ

Bà Bùi Thị Thu Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 13 tháng 3 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 529/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc “xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn Tr, sinh năm 1965 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Tân Phú, xã Tân Hưng Đông, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Võ Thị L, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Tân Phú, xã Tân Hưng Đông, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/11/2018 và tại phiên tòa ông Huỳnh Văn Tr (nguyên đơn) trình bày như sau:

Về hôn nhân: Ông Tr và bà L tổ chức đám cưới năm 1982 không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Nguyên nhân là vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, việc mâu thuẫn được gia đình hàn gắn nhiều lần nhưng không đem lại hạnh phúc. Ông Tr xét thấy sống không còn hạnh phúc nữa nên ông Tr yêu cầu xin ly hôn với bà L.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 06 con chung tên là Huỳnh Thị Thoảng, sinh năm 1982; Huỳnh Thị Giao, sinh năm 1984; Huỳnh Thị Niềm, sinh năm 1986; Huỳnh Thị Diễm, sinh năm 1988; Huỳnh Thị Trúc, sinh năm 1990 và Huỳnh Thị Xuyên, sinh năm 1992, hiện các con đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu.

Về tài sản chung: Ông Tr trình bày vợ chồng chung sống không có tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu: Ông Tr trình bày vợ chồng không nợ thu nên không yêu cầu.

Về nợ trả: Ông Tr trình bày vợ chồng không có nợ trả nên không yêu cầu xem xét.

Đối với bà Võ Thị L, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo cho bà L biết về nội dung yêu cầu tại đơn khởi kiện ngày 05/11/2018 nhưng bà L không có ý kiến gì. Tòa án triệu tập họp lệ bà L để tham gia phiên hòa giải đến lần thứ hai nhưng bà L không đến và cũng không có văn bản gì gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của ông Tr. Tòa án triệu tập xét xử họp lệ đến lần thứ hai nhưng bà L vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà L theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn bà Võ Thị L có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của ông Huỳnh Văn Tr khởi kiện xin ly hôn với bà Võ Thị L nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Văn Tr và bà Võ Thị L xác lập quan hệ hôn nhân năm 1982 không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Áp dụng điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/QH-NQ 10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì hôn nhân của ông Tr và bà L được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, ông Tr cho rằng vợ chồng chung sống

thường bất đồng quan điểm dẫn đến nhiều mâu thuẫn, việc mâu thuẫn được gia đình hàn gắn nhiều lần nhưng không đem lại hạnh phúc. Xét thấy, ông Tr và bà L ly thân khoảng 10 năm nay là thời gian rất dài nhưng bà L không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng được đoàn tụ, chứng tỏ mâu thuẫn của ông Tr và bà L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Tr được ly hôn với bà L.

[3] Về nuôi con: Ông Tr trình bày vợ chồng có 06 con chung tên là Huỳnh Thị Thoảng, sinh năm 1982; Huỳnh Thị Giao, sinh năm 1984; Huỳnh Thị Niềm, sinh năm 1986; Huỳnh Thị Diễm, sinh năm 1988; Huỳnh Thị Trúc, sinh năm 1990 và Huỳnh Thị Xuyên, sinh năm 1992, hiện các con đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông Tr trình bày vợ chồng không có tài sản chung, bà L không ý kiến gì, ông Tr không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về nợ trả và nợ thu: Ông Tr trình bày vợ chồng không có không nợ thu và cũng không nợ trả, bà L không ý kiến gì, ông Tr không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Tr phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 243, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 09, 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/QH-NQ 10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông Huỳnh Văn Tr được ly hôn với bà Võ Thị L.
- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Tr phải chịu án phí số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng), ông Tr đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004911 ngày 03/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C được chuyển thu.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai ông Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bà L được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- CC THA huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân H;
- Lưu HS-VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Minh Tính